

**BẢNG SO SÁNH DỰ THẢO THÔNG TƯ VỚI THÔNG TƯ 42/2019/TT-BGTVT
VÀ ĐIỀU 2 CỦA THÔNG TƯ 27/2021/TT-BGTVT**
(Kèm theo Tờ trình số /TT-CHHĐTVN ngày tháng 3 năm 2026)

Thông tư 42/2019/TT-BGTVT, Điều 2 của Thông tư 27/2021/TT-BGTVT	Dự thảo Thông tư thay thế	Thuyết minh lý do sửa đổi, bổ sung
Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;	Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;	
Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;	Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;	Cập nhật một số Nghị định, Thông tư hiện hành có liên quan
Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;	Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;	
Căn cứ Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải;	Căn cứ Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải;	
Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;	Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;	
	Căn cứ Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;	
	Thông tư số 05/2026/TT-BXD ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Bộ Xây dựng quy định về bảo trì công trình hàng hải và tần suất khảo sát thông báo hàng hải	
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;	Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng và Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;	

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.	Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.	
Điều 1 Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
Thông tư này quy định về tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải sau đây:	Thông tư này quy định về tiêu chí kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo hình thức đặt hàng, bao gồm các dịch vụ sau:	
1. Quản lý vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập.	1. Vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập;	Cập nhật tên Dịch vụ theo Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025
2. Quản lý vận hành, bảo trì hệ thống luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả hệ thống đèn chắn sóng, đèn chắn cát, đèn hướng dòng, đèn bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng).	2. Vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm công tác kiểm tra thường xuyên hệ thống đèn chắn sóng, đèn chắn cát, đèn hướng dòng, đèn bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng);	
3. Khảo sát phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vùng đón trả hoa tiêu).	3. Khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu);	
4. Đợt xuất bảo đảm an toàn hàng hải.	4. Nhiệm vụ đợt xuất bảo đảm an toàn hàng hải.	
Điều 2. Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo hình thức đặt hàng.	
Điều 3. Giải thích từ ngữ	Điều 3. Giải thích từ ngữ	
Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	
1. Báo hiệu hàng hải là thiết bị hoặc công trình được thiết lập để chỉ dẫn cho người đi biển định hướng và xác định vị trí của tàu thuyền.	1. Báo hiệu hàng hải là các công trình, thiết bị chỉ dẫn hành hải, bao gồm các công trình, thiết bị nhận biết bằng hình ảnh, ánh sáng, âm thanh và tín hiệu vô tuyến điện tử, dịch vụ được thiết lập và vận hành để chỉ dẫn cho tàu thuyền hành hải an toàn và hiệu quả.	Cập nhật định nghĩa về báo hiệu hàng hải theo Định nghĩa tại Bộ luật Hàng hải Việt Nam
2. Tầm hiệu lực của báo hiệu hàng hải là khoảng cách lớn nhất tính từ người quan sát đến báo hiệu mà người quan sát nhận biết được báo hiệu đó để định hướng hoặc xác định vị trí của mình.	2. Tầm hiệu lực của báo hiệu hàng hải là khoảng cách lớn nhất tính từ người quan sát đến báo hiệu mà người quan sát nhận biết được báo hiệu đó để định hướng hoặc xác định vị trí của mình.	
3. Tầm hiệu lực ban ngày của báo hiệu hàng hải là khoảng cách lớn nhất mà người quan sát có thể nhận biết được báo	3. Tầm hiệu lực ban ngày của báo hiệu hàng hải là khoảng cách lớn nhất mà người quan sát có thể nhận biết được báo	

hiệu vào ban ngày; được xác định với tầm nhìn xa khí tượng bằng 10 hải lý.	hiệu vào ban ngày; được xác định với tầm nhìn xa khí tượng bằng 10 hải lý.	
4. Tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu hàng hải là khoảng cách lớn nhất mà người quan sát có thể nhận biết được tín hiệu ánh sáng của báo hiệu.	4. Tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu hàng hải là khoảng cách lớn nhất mà người quan sát có thể nhận biết được tín hiệu ánh sáng của báo hiệu.	
5. Tầm hiệu lực danh định của báo hiệu hàng hải là tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu trong điều kiện khí quyển có tầm nhìn xa khí tượng là 10 hải lý (tương ứng với hệ số truyền quang của khí quyển $T = 0,74$) với ngưỡng cảm ứng độ sáng của mắt người quan sát quy ước bằng 0,2 micro-lux.	5. Tầm hiệu lực danh định của báo hiệu hàng hải là tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu trong điều kiện khí quyển có tầm nhìn xa khí tượng là 10 hải lý (tương ứng với hệ số truyền quang của khí quyển $T = 0,74$) với ngưỡng cảm ứng độ sáng của mắt người quan sát quy ước bằng 0,2 micro-lux.	
6. Tầm hiệu lực của báo hiệu vô tuyến (Racon, AIS...) là khoảng cách tối đa mà tín hiệu của báo hiệu vô tuyến có thể phát hiện hoặc sử dụng được bằng thiết bị thu nhận tín hiệu.	6. Tầm hiệu lực của báo hiệu vô tuyến (Racon, AIS...) là khoảng cách tối đa mà tín hiệu của báo hiệu vô tuyến có thể phát hiện hoặc sử dụng được bằng thiết bị thu nhận tín hiệu.	
7. Ánh sáng chớp nhóm là ánh sáng chớp được phát theo nhóm với chu kỳ xác định.	7. Ánh sáng chớp nhóm là ánh sáng chớp được phát theo nhóm với chu kỳ xác định.	
8. Báo hiệu hàng hải AIS là báo hiệu vô tuyến điện truyền phát thông tin an toàn hàng hải tới các trạm AIS được lắp đặt trên tàu, hoạt động trên các dải tần số VHF hàng hải.	8. Báo hiệu hàng hải AIS là báo hiệu vô tuyến điện truyền phát thông tin an toàn hàng hải tới các trạm AIS được lắp đặt trên tàu, hoạt động trên các dải tần số VHF hàng hải.	
9. Tiêu radar (Racon) là báo hiệu hàng hải để thu, phát tín hiệu vô tuyến điện trên các dải tần số của radar hàng hải.	9. Tiêu radar (Racon) là báo hiệu hàng hải để thu, phát tín hiệu vô tuyến điện trên các dải tần số của radar hàng hải.	
10. Chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải được xác định bằng tỷ lệ phần trăm về thời gian mà báo hiệu hàng hải hoạt động đúng tất cả các chức năng đã được công bố trong chu kỳ đánh giá.	10. Chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải được xác định bằng tỷ lệ phần trăm về thời gian mà báo hiệu hàng hải hoạt động đúng tất cả các chức năng đã được công bố trong chu kỳ đánh giá.	
	11. Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công là đơn vị được nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được quy định tại Điều 1.	
	12. Báo hiệu âm thanh là thiết bị truyền phát âm thanh để cung cấp thông tin cho người đi biển trong điều kiện tầm nhìn xa bị hạn chế.	Bổ sung một số định nghĩa phù hợp với nội dung cung cấp dịch vụ sự nghiệp công BĐATHH
	13. Báo hiệu AIS phát thông tin khí tượng thủy văn là thiết bị nhận dữ liệu khí tượng thủy văn từ các trạm quan trắc tự động và truyền phát qua bức điện số 8 của báo hiệu hàng hải AIS.	
Điều 4. Tiêu chí chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải	Điều 4. Tiêu chí chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải	

1. Dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập Tiêu chí chất lượng dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu dẫn luồng hàng hải công cộng gồm: chức năng báo hiệu; tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị; nguồn nhân lực tại trạm luồng; công tác bảo trì, sửa chữa; công tác quản lý; chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải trên luồng.	1. Dịch vụ vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập: a) Tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập gồm: chức năng của báo hiệu; tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu; công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình; công tác quản lý; chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập.	
	b) Nội dung chi tiết tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì đèn biển, đăng tiêu độc lập được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.	Trình bày lại nội dung rõ ràng hơn.
2. Dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì hệ thống luồng hàng hải công cộng	2. Dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm công tác kiểm tra thường xuyên hệ thống đèn chắn sóng, đèn chắn cát, đèn hướng dòng, đèn bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng):	Cập nhật tên dịch vụ; trình bày lại nội dung rõ ràng, ngắn gọn hơn.
a) Dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì hệ thống luồng hàng hải công cộng gồm: quản lý vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu dẫn luồng và quản lý vận hành, bảo trì hệ thống đèn chắn sóng, đèn chắn cát, đèn hướng dòng, đèn bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng.	a) Tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng được xác định gồm: chức năng của báo hiệu; tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu; công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình; công tác quản lý tại trạm luồng; chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải trên luồng; công tác kiểm tra thường xuyên đèn, đèn.	
b) Tiêu chí gồm chức năng báo hiệu; tính sẵn sàng hoạt động; nhân sự bố trí tại trạm luồng; công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình; công tác quản lý tại trạm luồng; chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải trên luồng.	b) Nội dung tiêu chí chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.	
c) Tiêu chí chất lượng dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì hệ thống đèn chắn sóng, đèn chắn cát, đèn hướng dòng, đèn bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng được xác định gồm: công tác kiểm tra thường xuyên; công tác bảo trì.		
3. Dịch vụ khảo sát phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vùng đón trả hoa tiêu)	3. Dịch vụ khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu)	
Tiêu chí chất lượng dịch vụ khảo sát phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vùng đón trả hoa tiêu) được xác định gồm: thiết bị, phương tiện và hệ thống mốc khảo sát; tần suất khảo sát; hồ sơ khảo sát.	a) Tiêu chí chất lượng dịch vụ khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu) được xác định gồm: Tần suất khảo sát; hồ sơ khảo sát.	Cập nhật phù hợp với Phụ lục số 3

	b) Nội dung tiêu chí chất lượng dịch vụ khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu) được quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.	Trình bày lại nội dung rõ ràng hơn.
4. Dịch vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải	4. Dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải	
Tiêu chí chất lượng dịch vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải là việc khắc phục kịp thời, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền.	a) Tiêu chí chất lượng dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải là việc khắc phục sự cố kịp thời, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền.	Trình bày lại nội dung rõ ràng hơn.
	b) Nội dung tiêu chí chất lượng dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải được quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.	
Điều 5. Kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải	Điều 5. Kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải	
1. Việc kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được thực hiện theo các tiêu chí chất lượng, phương pháp đánh giá và yêu cầu đáp ứng theo quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.	1. Việc kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được thực hiện theo các tiêu chí chất lượng, phương pháp đánh giá và yêu cầu đáp ứng theo quy định tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư.	Ghi chi tiết các phụ lục quy định về tiêu chí đánh giá
	2. Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được thực hiện theo các tiêu chí chất lượng, phương pháp đánh giá và yêu cầu đáp ứng theo quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.	Bổ sung quy định cụ thể về trách nhiệm kiểm tra, giám sát; và trang bị những thiết bị giám sát quá trình cung cấp dịch vụ công BDATHH
2. Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất, Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định tại Thông tư này.	3. Hàng quý hoặc đột xuất, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tổ chức kiểm tra xác suất (một năm tối thiểu 10% số đèn biển, tối thiểu 10% số đoạn hoặc tuyến luồng) việc thực hiện chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định tại Thông tư này.	
3. Các phương tiện thủy phục vụ công tác tiếp tế tại các đèn biển và trạm quản lý luồng hàng hải; phục vụ công tác kiểm tra tổng quan, kiểm tra bảo trì luồng hàng hải phải lắp đặt thiết bị nhận dạng tự động (AIS). Việc quản lý, khai thác, sử dụng thông tin AIS thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGTVT ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định quản lý và khai thác	4. Các phương tiện thủy phục vụ công tác: vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập (bao gồm vận hành, bảo trì đèn biển; công tác tiếp tế định kỳ); vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng (bao gồm kiểm tra tổng quan; bảo trì báo hiệu hàng hải; thay, thả phao báo hiệu hàng hải; sơn bảo dưỡng báo hiệu hàng hải; công tác tiếp tế định kỳ) phải lắp đặt thiết bị nhận dạng tự	

thông tin nhận dạng tự động của tàu thuyền	động (AIS) hoặc thiết bị giám sát hành trình khác để kiểm tra, giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.	
	5. Các phương tiện bộ phục vụ công tác tiếp tế định kỳ tại các trạm quản lý đèn biển, trạm quản lý luồng hàng hải công cộng phải được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình để kiểm tra, giám sát, đánh giá và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải.	
Điều 6. Đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải	Điều 6. Đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải	
1. Việc đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải căn cứ trên các tiêu chí tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và được đánh giá theo mức “Đạt” hoặc “Không đạt”, nếu một trong các tiêu chí tại các mục “Không đạt” thì đánh giá tổng hợp của mục đó là “Không đạt”, cụ thể như sau:	1. Nguyên tắc đánh giá Việc đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải căn cứ trên các tiêu chí tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và được đánh giá theo mức “Đạt” hoặc “Không đạt”. Khi tiêu chí đánh giá là “không đạt”, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phải chịu hoàn toàn chi phí khắc phục.	- Phân quyền rõ hơn về công tác đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công;
	2. Đánh giá dịch vụ vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập	
a) Đánh giá dịch vụ quản lý, vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập: Các tiêu chí từ mục (1) đến mục (5) Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này nếu “Không đạt” yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khắc phục ngay (trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam) và tiến hành đánh giá lại tiêu chí “Không đạt”.	Đánh giá dịch vụ vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập theo các mục tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này: a) Tiêu chí tại mục (1) khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường nếu báo hiệu không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các chức năng tại thông báo hàng hải, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khẩn trương khắc phục để đảm bảo chức năng của báo hiệu. Nếu báo hiệu không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các tiêu chí, dẫn tới việc đánh giá tiêu chí mục tại (5) là “Không đạt” thì đánh giá tiêu chí mục (1) là “Không đạt”.	- Đánh giá dịch vụ cụ thể hơn về những tiêu chí; - Quy định chế tài khi tiêu chí ”Không đạt”.
Tiêu chí tại mục (6) Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này nếu “Không đạt” thì đánh giá tổng hợp chất lượng dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu luồng hàng hải công cộng được đánh giá trong chu kỳ là “Không đạt”.	b) Tiêu chí tại mục (5) nếu “Không đạt” thì đánh giá tổng hợp chất lượng dịch vụ vận hành đèn biển, đăng tiêu độc lập được đánh giá trong chu kỳ là “Không đạt”.	
	c) Các tiêu chí tại mục (2), mục (3) và mục (4) khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường nếu “Không đạt”, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp	

	công phải khắc phục ngay trong vòng 05 ngày (trừ thời gian bất khả kháng), kết quả khắc phục phải có biên bản xác nhận kèm theo các tài liệu chứng minh để tiến hành đánh giá lại tiêu chí.	
	d) Các mục (1) và mục (5) đánh giá là “Không đạt” thì đèn biển, đăng tiêu độc lập chưa đáp ứng sẽ không được nghiệm thu thanh toán. Các mục (2), mục (3), mục (4) đánh giá là “Không đạt” thì phần khối lượng công việc chưa đáp ứng không được nghiệm thu thanh toán.	
b) Đánh giá dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì hệ thống luồng hàng hải công cộng:	3. Đánh giá dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng	
Các tiêu chí từ mục (1) đến mục (5) Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này nếu “Không đạt” yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khắc phục ngay (trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam) và tiến hành đánh giá lại tiêu chí “Không đạt”.	Đánh giá dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng theo các mục tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này: a) Tiêu chí tại mục (1) khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường nếu báo hiệu không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các chức năng tại thông báo hàng hải, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khẩn trương khắc phục để đảm bảo chức năng của báo hiệu. Nếu báo hiệu không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các tiêu chí, dẫn tới việc đánh giá tiêu chí mục tại (5) là “Không đạt” thì đánh giá tiêu chí mục (1) là “Không đạt”.	- Đánh giá dịch vụ cụ thể hơn về những tiêu chí; - Quy định chế tài khi tiêu chí ”Không đạt”.
Tiêu chí tại mục (6) Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này nếu “Không đạt” thì đánh giá tổng hợp chất lượng dịch vụ quản lý vận hành, bảo trì hệ thống báo hiệu luồng hàng hải công cộng được đánh giá trong chu kỳ là “Không đạt”.	b) Các tiêu chí tại mục (2), mục (3), mục (4) và mục (6) khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường nếu “Không đạt”, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phải khắc phục ngay trong vòng 05 ngày (trừ thời gian bất khả kháng), kết quả khắc phục phải có biên bản xác nhận kèm theo các tài liệu chứng minh để tiến hành đánh giá lại tiêu chí.	
c) Đánh giá dịch vụ quản lý, vận hành, bảo trì hệ thống đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ thuộc kết cấu hạ tầng hàng hải công cộng Các tiêu chí quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này nếu “Không đạt” yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khắc phục	c) Tiêu chí tại mục (5) nếu “Không đạt” thì đánh giá tổng hợp chất lượng dịch vụ vận hành, bảo trì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng được đánh giá trong chu kỳ là “Không đạt”.	

ngay (trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam) và tiến hành đánh giá lại tiêu chí “Không đạt”.		
	d) Các mục (1) và mục (5) đánh giá là “Không đạt” thì báo hiệu hàng hải trên luồng hàng hải công cộng chưa đáp ứng sẽ không được nghiệm thu thanh toán. Các mục (2), mục (3), mục (4) và mục (6) đánh giá là “Không đạt” thì phần khối lượng công việc chưa đáp ứng không được nghiệm thu thanh toán.	
d) Đánh giá dịch vụ khảo sát phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vùng đón trả hoa tiêu) Các tiêu chí quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này nếu “Không đạt” yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khắc phục ngay (trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam) và tiến hành đánh giá lại tiêu chí “Không đạt”.	4. Đánh giá dịch vụ khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả vị trí đón trả hoa tiêu) Các tiêu chí quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường nếu “Không đạt” thì đánh giá trong chu kỳ là “Không đạt”. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải bổ sung hồ sơ trong vòng 03 ngày, nếu không hoàn thành công tác bổ sung hồ sơ thì được đánh giá là “Không đạt”, sản phẩm chưa đáp ứng không được nghiệm thu thanh toán.	- Đánh giá dịch vụ cụ thể - Quy định chế tài khi tiêu chí “Không đạt”.
đ) Đánh giá dịch vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải. Các tiêu chí quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này nếu "Không đạt" yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải khắc phục ngay (trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Cục Hàng hải Việt Nam) và tiến hành đánh giá lại tiêu chí “Không đạt”.	5. Đánh giá dịch vụ nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải. Các tiêu chí quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này khi kiểm tra, đánh giá trên hồ sơ hoặc kiểm tra xác suất kết quả khắc phục thực tế tại hiện trường nếu "Không đạt" thì đánh giá là “Không đạt”. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải phải bổ sung hồ sơ trong vòng 03 ngày (trừ thời gian bất khả kháng), nếu không hoàn thành công tác bổ sung hồ sơ thì được đánh giá là “Không đạt”, sản phẩm chưa đáp ứng không được nghiệm thu thanh toán.	- Đánh giá dịch vụ cụ thể - Quy định chế tài khi tiêu chí “Không đạt”.

	6. Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được nghiệm thu khi tất cả các tiêu chí chất lượng được đánh giá theo mức “Đạt”.	
2. Cục Hàng hải Việt Nam căn cứ vào các kết quả kiểm tra, giám sát hàng Quý hoặc đột xuất tiến hành nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải 6 tháng và cả năm. Nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải khi tất cả các tiêu chí chất lượng được đánh giá theo mức “Đạt”.	Điều 7. Nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải	Quy định, phân quyền chi tiết về công tác nghiệm thu
	1. Công tác nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải được tổ chức như sau:	
	a) Nghiệm thu hàng tháng, hàng quý (03 tháng) do Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công tổ chức thực hiện.	
	b) Nghiệm thu định kỳ 06 tháng và 01 năm do Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tổ chức thực hiện.	
	2. Hồ sơ nghiệm thu	
	a) Nghiệm thu hàng tháng, hàng quý: Hồ sơ nghiệm thu hàng tháng và hàng quý của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bao gồm: Biên bản nghiệm thu hàng tháng, hàng quý về khối lượng, chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; các loại nhật ký liên quan đến dịch vụ sự nghiệp công; dữ liệu giám sát; xác nhận của các cảng vụ hàng hải, cảng vụ đường thủy nội địa thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và khi vùng hoạt động của các báo hiệu hàng hải không có các cơ quan này thì lấy xác nhận của các cơ quan, đơn vị liên quan, kèm theo các hồ sơ nghiệm thu có liên quan của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.	
	b) Nghiệm thu định kỳ 06 tháng và 01 năm: Hồ sơ phục vụ nghiệm thu định kỳ 06 tháng và 01 năm bao gồm: Báo cáo hàng tháng, hàng quý công tác cung cấp dịch vụ của Đơn vị cung cấp sự nghiệp công kèm theo các hồ sơ quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 7 Thông tư này.	
	3. Các biểu mẫu biên bản nghiệm thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công được quy định tại Phụ lục 5, Phụ lục 6, Phụ lục 7, Phụ lục 8 kèm theo Thông tư này .	
	Điều 8. Trách nhiệm của các bên	

	<p>1. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có trách nhiệm: Căn cứ vào báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm và cả năm của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, hồ sơ quy định tại khoản b khoản 2 Điều 7 Thông tư này và kết quả kiểm tra xác suất thực tế tại hiện trường, tiến hành nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải 02 lần trong năm (06 tháng đầu năm và cả năm) theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 7 Thông tư này.</p>	Quy định chi tiết về trách nhiệm của các bên
	<p>2. Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải chịu trách nhiệm:</p>	
	<p>a) Trước khi thực hiện Hợp đồng cung cấp dịch vụ công, thực hiện phê duyệt kế hoạch bố trí nhân sự tại trạm quản lý đèn biển, trạm quản lý luồng hàng hải để đảm bảo theo tiêu chuẩn chất lượng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải</p>	
	<p>b) Thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm đúng, đủ khối lượng, chất lượng thực hiện theo hợp đồng ký với Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu việc thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại điểm Khoản 2 Điều 5 và mục a khoản 1 Điều 7 của Thông tư này bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và Thông tư này và chịu trách nhiệm với kết quả kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu của mình. Lập báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng đầu năm và cả năm gửi Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam làm cơ sở để phục vụ nghiệm thu hoàn thành dịch vụ sự nghiệp công . Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực đối với hồ sơ cung cấp cho Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam để phục vụ nghiệm thu hoàn thành dịch vụ sự nghiệp công.</p>	
	<p>3. Cảng vụ hàng hải, cảng vụ đường thủy nội địa khu vực có trách nhiệm : Hàng tháng xác nhận tình trạng hoạt động của báo hiệu hàng hải, các vụ việc đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải trong phạm</p>	

	<p>vi quản lý. Các biểu mẫu biên bản xác nhận được quy định tại Phụ lục 9 kèm theo Thông tư này.</p> <p>Đối với phạm vi ngoài sự quản lý của cảng vụ hàng hải và cảng vụ đường thủy nội địa khu vực thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải có trách nhiệm đề nghị cơ quan, đơn vị liên quan tại khu vực xác nhận tình trạng hoạt động của báo hiệu hàng hải.</p>	
Điều 7. Hiệu lực thi hành.	Điều 9. Điều khoản thi hành	
Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020	1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .../.../2026.	
	2. Bãi bỏ Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải	
	3. Bãi bỏ Điều 2 Thông tư số 27/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển.	
	Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp	
	Các công việc, hồ sơ đã thực hiện theo quy định của Thông tư số 42/2019/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu chất lượng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải và Điều 2 Thông tư số 27/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được sử dụng để phục vụ công tác nghiệm thu trong năm./.	
Điều 8. Tổ chức thực hiện Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, tổ		

chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.		
--	--	--

Phụ lục 1

TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ QUẢN LÝ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ HỆ THỐNG ĐÈN BIỂN, ĐĂNG TIÊU ĐỘC LẬP			TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ ĐÈN BIỂN, ĐĂNG TIÊU ĐỘC LẬP			Thuyết minh sửa đổi, bổ sung
Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng	
1. Chức năng của báo hiệu			1. Chức năng của báo hiệu			
1.1. Báo hiệu thị giác			1.1. Báo hiệu thị giác			
1.1.1. Đặc tính ánh sáng (màu sắc, đặc tính chớp, chu kỳ chớp)	- Quan sát, đánh giá trực quan màu sắc ánh sáng, đặc tính chớp; - Dùng đồng hồ bấm giây thực hiện đo chu kỳ chớp.	- Phù hợp với đặc tính ánh sáng đã công bố tại thông báo hàng hải. - Sai số tương đối chu kỳ chớp cho phép $\pm 10\%$ chu kỳ.	Đặc tính ánh sáng (màu sắc, đặc tính chớp)	- Quan sát trực quan màu sắc ánh sáng, đặc tính chớp; - Dùng đồng hồ bấm giây thực hiện đo chu kỳ chớp.	- Phù hợp với đặc tính ánh sáng đã được công bố thông báo hàng hải. - Sai số tương đối chu kỳ chớp cho phép $\pm 10\%$ chu kỳ.	Cập nhật từ ngữ
1.1.2. Tầm hiệu lực của báo hiệu (ban ngày, ban đêm)	Sử dụng phương tiện di chuyển từ xa về phía đèn (hoặc từ đèn ra xa), trực quan kết hợp hải đồ, la bàn, thiết bị định vị vệ tinh hoặc sử dụng thiết bị để đo đạc, kiểm tra, tính toán xác định tầm hiệu lực của báo hiệu.	- Phù hợp với tầm hiệu lực đã được công bố tại thông báo hàng hải. - Trong vùng hiệu lực ban ngày của đèn biển phải đảm bảo quan sát và dễ dàng nhận biết được: thân đèn; các màu sắc khác nhau phân biệt rõ nét, mỗi màu riêng biệt phải đồng nhất. Trong vùng hiệu lực báo hiệu, tầm hiệu lực ánh sáng của đèn biển xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được phép thấp hơn 75% giá trị tầm hiệu lực ánh	1.1.2. Tầm hiệu lực của báo hiệu (ban ngày, ban đêm)	Sử dụng phương tiện thủy kết hợp trong các chuyến tiếp tế định kỳ di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa), quan sát bằng mắt thường, kết hợp hải đồ và thiết bị hành hải trên tàu (GPS, radar, ECDIS, AIS...) để xác	- Phù hợp với tầm hiệu lực đã được công bố tại thông báo hàng hải. - Trong phạm vi tầm hiệu lực ban ngày, trong điều kiện kiểm tra bình thường báo hiệu phải đảm bảo nhận biết được bằng mắt thường. - Tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được phép thấp hơn 75% tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải.	Thể hiện rõ ràng hơn về phương pháp xác định

		sáng đã được công bố của đèn biển.		định khoảng cách từ vị trí người quan sát bắt đầu nhận biết (hoặc không nhận biết) được báo hiệu.		
1.1.3. Hình dáng báo hiệu	Quan sát, đánh giá trực quan hình dáng báo hiệu.	Phù hợp với hình dáng báo hiệu đã được công bố tại thông báo hàng hải.	1.1.3. Hình dáng báo hiệu	Quan sát trực quan hình dáng báo hiệu.	- Phù hợp với hình dáng báo hiệu đã được công bố thông báo hàng hải.	
1.1.4. Màu sắc báo hiệu	Quan sát, đánh giá trực quan màu sắc báo hiệu.	Phù hợp với màu sắc báo hiệu đã được công bố tại thông báo hàng hải.	1.1.4. Màu sắc báo hiệu	Quan sát, đánh giá trực quan màu sắc báo hiệu.	- Phù hợp với màu sắc báo hiệu đã được công bố thông báo hàng hải.	
1.2. Báo hiệu vô tuyến (racon, AIS,...)			1.2. Báo hiệu vô tuyến điện (AIS, racon)			
1.2.1. Thông tin truyền phát, đặc tính	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra các thông tin do báo hiệu hàng hải AIS cung cấp. Sử dụng ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện thủy để kiểm tra mã nhận dạng của Racon. 	Phù hợp với các thông số truyền phát thông tin được công bố tại thông báo hàng hải.	1.2.1. Thông tin truyền phát, đặc tính	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra các thông tin do báo hiệu hàng hải AIS cung cấp. Sử dụng ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện thủy để kiểm tra mã nhận dạng của Racon. 	- Phù hợp với các thông số truyền phát thông tin đã được công bố thông báo hàng hải.	
1.2.2. Tầm hiệu lực	Sử dụng phương tiện thủy di chuyển từ xa về phía đèn kết hợp ra-đa	- Phù hợp với các thông số tầm hiệu lực của báo hiệu	1.2.2. Tầm hiệu lực	- Sử dụng phương tiện thủy kết hợp	- Tầm hiệu lực của báo hiệu AIS, Racon xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được	Thể hiện rõ ràng hơn về phương pháp xác định

	hàng hải lắp đặt trên phương tiện để kiểm tra tầm hiệu lực của Racon	vô tuyến được công bố tại thông báo hàng hải. - Trong vùng hiệu lực báo hiệu, tầm hiệu lực của báo hiệu racon xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được thấp hơn 98% giá trị tầm hiệu lực được công bố.		trong các chuyến tiếp tế định kỳ di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa) để xác định khoảng cách từ tàu bắt đầu thu nhận (hoặc không thu nhận) được tín hiệu báo hiệu hàng hải AIS. - Sử dụng phương tiện thủy kết hợp trong các chuyến tiếp tế định kỳ di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa) kết hợp ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện để xác định khoảng cách từ tàu bắt đầu thu nhận (hoặc không thu nhận) được tín hiệu Racon.	thấp hơn 98% tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải.	
2. Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu			2. Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu đèn biển			

2.1. Báo hiệu ánh sáng (đèn báo hiệu)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nhật ký hoạt động của đèn. - Kiểm tra thực tế tính sẵn sàng, tình trạng hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với đèn biển bố trí tối thiểu 02 bộ thiết bị báo hiệu ánh sáng (01 bộ chính và 01 bộ dự phòng) thỏa mãn yêu cầu về đặc tính và tầm hiệu lực báo hiệu. - Trong trường hợp đèn chính bị sự cố, đèn dự phòng phải được kích hoạt hoạt động, thời gian kích hoạt không quá 03 phút. 	2.1. Báo hiệu ánh sáng (đèn báo hiệu)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nhật ký hoạt động của đèn báo hiệu. - Kiểm tra tính sẵn sàng (số lượng, tình trạng hoạt động). 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với đèn biển bố trí tối thiểu 02 bộ thiết bị báo hiệu ánh sáng: 01 bộ đèn chính thỏa mãn với thông báo hàng hải về đặc tính ánh sáng, tầm hiệu lực và 01 bộ đèn dự phòng có đặc tính ánh sáng giống với đèn chính, tầm hiệu lực tối thiểu bằng 75% đèn chính. - Trong trường hợp đèn chính bị sự cố, đèn dự phòng phải được kích hoạt hoạt động, thời gian kích hoạt không quá 03 phút. 	Trình bày lại nội dung cho rõ ràng hơn
2.2. Nguồn cung cấp năng lượng điện (điện lưới, pin năng lượng mặt trời, bộ nạp ắc-quy, ắc-quy, máy phát điện, máy biến áp, bộ đổi điện)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nhật ký hoạt động. - Kiểm tra thực tế tính sẵn sàng, tình trạng hoạt động. 	Có ít nhất 02 hệ thống nguồn cung cấp năng lượng điện độc lập, bảo đảm khả năng cung cấp điện 24/24h.	2.2. Nguồn cung cấp năng lượng điện (điện lưới, pin năng lượng mặt trời, máy phát điện)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra các nhật ký có liên quan. - Kiểm tra tính sẵn sàng (số lượng, tình trạng hoạt động). 	Có ít nhất 02 hệ thống nguồn cung cấp năng lượng điện độc lập, bảo đảm khả năng cung cấp điện 24/24h.	
2.3. Thiết bị thông tin liên lạc (máy VHF, MF/HF, điện thoại)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hoạt động của máy thông tin trên các tần số trực kênh hàng hải, trực kênh thông tin nội bộ. - Kiểm tra số lượng, chủng loại thiết bị, tình trạng hoạt động. 	Bố trí ít nhất 01 hệ thống thông tin thường trực và 01 hệ thống thông tin dự phòng phù hợp.	2.2. Thiết bị thông tin liên lạc (máy VHF/MF/HF/điện thoại)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hoạt động của thiết bị thông tin liên lạc. - Kiểm tra số lượng, chủng loại thiết bị, tình trạng hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị quản lý báo hiệu hàng hải phải có trung tâm thông tin được trang bị tối thiểu 01 hệ thống thông tin vô tuyến (VHF/HF/MF) và 01 hệ thống thông tin vô tuyến dự phòng đảm bảo liên lạc từ trung tâm thông tin đến các trạm quản lý đèn biển. - Trạm quản lý đèn biển có người thường trực phải được trang bị tối 	Trình bày lại nội dung cho rõ ràng hơn

					thiếu 02 thiết bị thông tin liên lạc vô tuyến phù hợp.	
3. Nhân sự bố trí tại các trạm đèn biển						
Kiểm tra nhân lực bố trí tại trạm	Kiểm tra số lượng nhân sự theo danh sách được bố trí tại trạm.	Bảo đảm nhân sự bố trí tại trạm theo kế hoạch sử dụng lao động của đơn vị				
4. Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình			3. Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình			
4.1. Bảo trì, sửa chữa công trình	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông số kỹ thuật theo thiết kế, quy trình bảo trì được duyệt. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình. 	3.1. Bảo trì, sửa chữa công trình	Kiểm tra hiện trạng thực tế công trình, đối chiếu với hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công .	Phù hợp với hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công.	
4.2. Bảo trì, sửa chữa cơ khí			3.2. Bảo trì, sửa chữa cơ khí			
4.2.1. Bảo trì, sửa chữa phương tiện thủy, bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra trực quan thực tế vận hành của sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông số kỹ thuật theo thiết kế. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình. - Phương tiện thủy sau khi bảo trì, sửa chữa được cơ quan đăng kiểm cấp các Giấy chứng nhận theo quy định. - Phương tiện giao thông đường bộ có Giấy chứng nhận đăng kiểm còn hiệu lực. 	3.2.1. Bảo trì, sửa chữa phương tiện thủy, bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra trực quan thực tế vận hành của phương tiện. - Kiểm tra hồ sơ hoàn công. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn công. - Phương tiện thủy sau khi bảo trì, sửa chữa được cơ quan đăng kiểm cấp các Giấy chứng nhận theo quy định. - Phương tiện giao thông đường bộ có Giấy chứng nhận đăng kiểm còn hiệu lực. 	Trình bày lại nội dung cho ngắn gọn, rõ ràng hơn
4.2.2. Bảo trì, sửa chữa thiết bị (thiết bị đèn; thông tin liên lạc; vô tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo đảm các thông số kỹ thuật của nhà cung cấp thiết bị. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình. 	3.2.2. Bảo trì, sửa chữa thiết bị: thiết bị báo hiệu, thông tin liên lạc, thiết bị cung cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra hồ sơ bảo trì, sửa chữa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ bảo trì, sửa chữa. - Các giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước (nếu có). 	Trình bày lại nội dung cho ngắn gọn, rõ ràng hơn

điện; thiết bị cung cấp nguồn năng lượng)			nguồn năng lượng.							
4.2.3. Bảo trì, sửa chữa hệ thống chống sét	<ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm.- Kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình.	<ul style="list-style-type: none">- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế.- Đáp ứng theo tiêu chuẩn hiện hành về chống sét trong công trình xây dựng.- Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.	3.2.3. Bảo trì, sửa chữa hệ thống chống sét	<ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra trực quan.- Kiểm tra điện trở tiếp đất chống sét.- Kiểm tra hồ sơ bảo trì, sửa chữa.	<ul style="list-style-type: none">- Đáp ứng thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn hiện hành.- Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ bảo trì, sửa chữa.	Trình bày lại nội dung cho ngắn gọn, rõ ràng hơn				
4.2.4. Bảo trì, sửa chữa máy phát điện	<ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm.- Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	<ul style="list-style-type: none">- Bảo đảm các thông số kĩ thuật của nhà cung cấp.- Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.				Bảo trì máy phát điện đã nằm trong mục 3.2.2				
5. Công tác quản lý			4. Công tác quản lý							
	<ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra công tác ghi chép nhật ký (tại trạm và phương tiện).- Kiểm tra việc bố trí phương tiện phục vụ quản lý vận hành.- Kiểm tra thông báo hàng hải.	<ul style="list-style-type: none">- Ghi chép nhật ký đầy đủ.- Bố trí phương tiện bảo đảm an toàn, phù hợp điều kiện địa lý của khu vực quản lý và quy định của quy chuẩn kỹ thuật về phương tiện.- Các đặc tính báo hiệu đã công bố thông báo hàng hải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hàng hải.		<ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra nhật ký tại trạm.- Kiểm tra việc bố trí phương tiện phục vụ quản lý vận hành (nếu có).- Kiểm tra tình trạng hoạt động của báo hiệu và xác nhận của cơ quan chức năng.	<ul style="list-style-type: none">- Ghi chép nhật ký đầy đủ.- Phương tiện (nếu có) bảo đảm an toàn, phù hợp điều kiện địa lý của khu vực quản lý và quy định của quy chuẩn kỹ thuật về phương tiện.- Có xác nhận của cơ quan chức năng về tình trạng hoạt động của báo hiệu.- Các đặc tính của báo hiệu phù hợp thông báo hàng hải gần nhất.	Trình bày lại nội dung cho ngắn gọn, rõ ràng hơn				
6. Chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập			6. Chỉ số khả dụng của đèn biển, đăng tiêu độc lập							
	<ul style="list-style-type: none">- Chỉ số khả dụng của báo hiệu tính toán theo công thức sau:<div>$A = \frac{T - t}{T} \times 100\%$</div>	<div>Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu như sau:<table><tr><td>Đèn biển, đăng</td><td>Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu</td></tr></table></div>	Đèn biển, đăng	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu		<ul style="list-style-type: none">- Chỉ số khả dụng của báo hiệu tính toán theo công thức sau:	<div>Chỉ số khả dụng phải được đáp ứng tối thiểu như sau:<table><tr><td>Đèn biển,</td><td>Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu</td></tr></table></div>	Đèn biển,	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu	Cập nhật theo TCVN Yêu cầu chất lượng dịch vụ quản lý vận hành đèn biển
Đèn biển, đăng	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu									
Đèn biển,	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu									

	<p>Trong đó: + A là chỉ số khả dụng tính bằng %; + T là thời gian đánh giá hoạt động của đèn biển, đăng tiêu độc lập (ứng với chu kỳ đánh giá là 6 tháng và 01 năm, được tính bằng ngày); + t là tổng thời gian (được tính quy đổi ra đơn vị ngày) mà đèn biển, đăng tiêu độc lập không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các chức năng đã được cơ quan có thẩm quyền công bố (sai lệch quá mức cho phép).”</p>	tiêu độc lập	T=6 tháng	T= 1 năm		<p>A $= \frac{T - t}{T} \times 100\%$<p>Trong đó: + A là chỉ số khả dụng tính bằng %; + T là thời gian đánh giá hoạt động của đèn biển, đăng tiêu độc lập (số ngày ứng với chu kỳ đánh giá là 6 tháng và 01 năm, được tính bằng ngày); + t là tổng thời gian (được tính quy đổi ra đơn vị ngày) mà đèn biển, đăng tiêu độc lập không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các chức năng tại thông báo hàng hải gần nhất của cơ quan có thẩm quyền công bố không bao gồm thời gian dừng hoạt động do nguyên nhân</p></p>	đăng tiêu độc lập	T=6 tháng	T= 1 năm		đang được xây dựng
		Có người tại trạm	98,8%	99,4%			Đèn biển có người thường trực	98,8%	99,4%		
		Không có người tại trạm	97,8%	98,9%			Đèn biển không có người thường trực	97,8%	98,9%		

				bất khả kháng (do thiên tai, dịch bệnh,...)		
--	--	--	--	---	--	--

Phục lục 2

TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ QUẢN LÝ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ HỆ THỐNG BÁO HIỆU LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG NHƯ SAU			TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ BÁO HIỆU HÀNG HẢI TRÊN LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG			THUYẾT MINH
Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng	
1. Chức năng của báo hiệu			1. Chức năng của báo hiệu			
1.1. Vị trí báo hiệu nổi	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra vị trí thực tế phao báo hiệu dẫn luồng bằng máy định vị cầm tay. - Sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra vị trí đối với báo hiệu có lắp AIS. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với vị trí của báo hiệu được công bố tại thông báo hàng hải. - Đối với báo hiệu vùng nước an toàn và hai bên luồng: Vị trí tâm báo hiệu không được dịch chuyển quá 1,5 lần bán kính quay vòng của báo hiệu theo phương ngang luồng và 3,0 lần bán kính quay vòng của báo hiệu theo phương dọc luồng. - Đối với báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu chuyên dùng, báo hiệu phương vị, báo hiệu chướng ngại vật biệt lập và báo hiệu chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện; Vị trí tâm báo hiệu không được dịch chuyển quá 1,5 lần bán kính quay vòng của báo hiệu. - Bán kính quay vòng của báo hiệu được xác định theo Quy chuẩn kỹ thuật 	1.1 Vị trí báo hiệu nổi	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra vị trí thực tế báo hiệu nổi bằng máy định vị cầm tay. - Đối với báo hiệu có lắp AIS, sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra vị trí. 	Vị trí của báo hiệu nổi phù hợp với thông báo hàng hải đã được công bố, không vượt quá độ lệch cho phép theo quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu hàng hải.	Trình bày gọn, dẫn chiếu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về BHHH

		quốc gia về báo hiệu hàng hải.				
1.2. Báo hiệu thị giác			1.2. Báo hiệu thị giác			
1.2.1. Đặc tính ánh sáng (màu sắc, đặc tính chớp, chu kỳ chớp)	- Quan sát, đánh giá trực quan màu sắc ánh sáng, đặc tính chớp; - Dùng đồng hồ bấm giây thực hiện đo chu kỳ chớp.	- Phù hợp với đặc tính ánh sáng đã công bố tại thông báo hàng hải (bao gồm cả tính chất chớp đồng bộ nếu có). - Sai số tương đối chu kỳ chớp cho phép $\pm 10\%$ chu kỳ.	1.2.1. Đặc tính ánh sáng (màu sắc, đặc tính chớp)	- Quan sát trực quan màu sắc ánh sáng, đặc tính chớp; - Dùng đồng hồ bấm giây thực hiện đo chu kỳ chớp.	- Phù hợp với đặc tính ánh sáng đã được công bố thông báo hàng hải gần nhất (bao gồm cả tính chất chớp đồng bộ nếu có). - Sai số tương đối chu kỳ chớp cho phép $\pm 10\%$ chu kỳ.	
1.2.2. Tầm hiệu lực của báo hiệu (ban ngày, ban đêm)	Sử dụng phương tiện di chuyển từ xa về phía đèn báo hiệu (hoặc từ đèn báo hiệu ra xa), trực quan kết hợp hải đồ, la bàn, thiết bị định vị vệ tinh hoặc sử dụng thiết bị để đo đạc, kiểm tra, tính toán xác định tầm hiệu lực của báo hiệu	Sửa đổi, bổ sung Mục 1.2.2: Tầm hiệu lực của báo hiệu (ban ngày, ban đêm), cột “Phương pháp xác định” như sau: Tầm hiệu lực của báo hiệu (ban ngày, ban đêm), cột “Yêu cầu đáp ứng” như sau: Phù hợp với đặc tính ánh sáng đã công bố tại thông báo hàng hải và địa hình thực tế tại khu vực (bao gồm cả tính chất chớp đồng bộ nếu có). - Trong vùng hiệu lực ban ngày của báo hiệu phải đảm bảo quan sát và dễ dàng nhận biết được: thân báo hiệu; các màu sắc khác nhau phân biệt rõ nét, mỗi màu riêng biệt phải đồng nhất. Trong vùng hiệu lực báo hiệu, tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu xác định trong điều kiện kiểm tra	1.2.2. Tầm hiệu lực của báo hiệu (ban ngày, ban đêm)	Sử dụng phương tiện di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa), quan sát bằng mắt thường, kết hợp hải đồ và thiết bị hành hải trên tàu (GPS, radar, ECDIS, AIS...) để xác định khoảng cách từ vị trí người quan sát bắt đầu nhận biết (hoặc không nhận biết) được báo hiệu.	- Phù hợp với tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải. - Trong phạm vi tầm hiệu lực ban ngày, trong điều kiện kiểm tra bình thường báo hiệu phải đảm bảo nhận biết được bằng mắt thường. - Tầm hiệu lực ánh sáng của báo hiệu xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được phép thấp hơn 75% tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải.	Trình bày cho gọn, rõ ràng hơn

		bình thường không được phép thấp hơn 75% giá trị tầm hiệu lực ánh sáng đã được công bố.”				
1.2.3. Hình dáng báo hiệu	Quan sát, đánh giá trực quan hình dáng báo hiệu.	Phù hợp với hình dáng báo hiệu đã được công bố tại thông báo hàng hải.	1.2.3. Hình dáng báo hiệu	Quan sát trực quan hình dáng báo hiệu.	Phù hợp với hình dáng báo hiệu đã được công bố thông báo hàng hải.	
1.2.4. Màu sắc báo hiệu	Quan sát, đánh giá trực quan màu sắc báo hiệu.	Phù hợp với màu sắc báo hiệu đã được công bố tại thông báo hàng hải.	1.2.4. Màu sắc báo hiệu	Quan sát trực quan màu sắc báo hiệu.	Phù hợp với màu sắc báo hiệu đã được công bố thông báo hàng hải.	
Báo hiệu vô tuyến (racon, AIS,...)			1.3. Báo hiệu vô tuyến điện (racon, AIS)			
1.3.1. Thông tin truyền phát, đặc tính	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra các thông tin do báo hiệu hàng hải AIS cung cấp. - Sử dụng ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện thủy để kiểm tra mã nhận dạng của Racon. 	Phù hợp với các thông số truyền phát thông tin được công bố tại thông báo hàng hải.	1.3.1. Thông tin truyền phát, đặc tính	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng phần mềm quản lý dịch vụ hoặc thiết bị nhận dạng tự động (AIS) để kiểm tra các thông tin do báo hiệu hàng hải AIS cung cấp. - Sử dụng ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện thủy để kiểm tra mã nhận dạng của Racon. 	Phù hợp với các thông số truyền phát thông tin đã được công bố thông báo hàng hải.	Trình bày cho gọn, rõ ràng hơn
1.3.2. Tầm hiệu lực	Sử dụng phương tiện thủy di chuyển từ xa về phía đèn kết hợp ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện để kiểm tra tầm hiệu lực của Racon.	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với các thông số tầm hiệu lực của báo hiệu vô tuyến được công bố tại thông báo hàng hải. - Trong vùng hiệu lực báo hiệu, tầm hiệu lực của báo hiệu racon xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được thấp hơn 95% giá trị tầm hiệu lực được công bố. 	1.3.2. Tầm hiệu lực	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng phương tiện thủy di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa) để xác định khoảng cách từ tàu bắt đầu thu nhận (hoặc không thu nhận) được tín hiệu báo hiệu hàng hải AIS. - Sử dụng phương tiện thủy di chuyển từ xa về phía báo hiệu (hoặc từ báo hiệu ra xa) kết hợp 	- Tầm hiệu lực của báo hiệu AIS, Racon xác định trong điều kiện kiểm tra bình thường không được thấp hơn 95% tầm hiệu lực đã được công bố thông báo hàng hải.	Trình bày cho gọn, rõ ràng hơn

				ra-đa hàng hải lắp đặt trên phương tiện để xác định khoảng cách từ tàu bắt đầu thu nhận (hoặc không thu nhận) được tín hiệu Racon.		
2. Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu			2. Tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị báo hiệu			
2.1. Báo hiệu ánh sáng (đèn báo hiệu)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nhật ký hoạt động của đèn. - Kiểm tra thực tế tính sẵn sàng, tình trạng hoạt động. 	Bảo đảm tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị	2.1. Báo hiệu ánh sáng (đèn báo hiệu)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nhật ký hoạt động của đèn báo hiệu. - Kiểm tra thực tế tính sẵn sàng, tình trạng hoạt động. 	- Bảo đảm tính sẵn sàng hoạt động của thiết bị.	
2.3. Nguồn cung cấp năng lượng tại trạm quản lý báo hiệu	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nhật ký hoạt động. - Kiểm tra hiện trường về số lượng, tình trạng hoạt động 	Hệ thống cung cấp năng lượng điện bảo đảm khả năng sẵn sàng hoạt động	2.3. Nguồn cung cấp năng lượng tại trạm quản lý báo hiệu	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nhật ký hoạt động. - Kiểm tra hiện trường về số lượng, tình trạng hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cung cấp năng lượng điện bảo đảm khả năng sẵn sàng hoạt động. - Nguồn cung cấp năng lượng điện đảm bảo cho các báo hiệu hàng hải trên luồng hoạt động 24/24h; - Đối với các trạm quản lý báo hiệu chưa có điện lưới được trang bị 02 máy phát điện có công suất phù hợp phục vụ sản xuất, sinh hoạt, đối với các trạm quản lý báo hiệu sử dụng điện lưới được trang bị 01 máy phát điện có công suất phù hợp để dự phòng khi mất điện lưới. 	Trình bày cho rõ ràng hơn
2.4. Thiết bị thông tin liên lạc tại trạm quản lý luồng (máy VHF,	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hoạt động của máy thông tin trên các tần số trực kênh hàng hải, trực kênh thông tin nội bộ. 	Bố trí ít nhất 01 hệ thống thông tin thường trực và 01 hệ thống thông tin dự phòng phù hợp.	2.4. Thiết bị thông tin liên lạc (máy VHF/MF/HF/điện thoại)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hoạt động của thiết bị thông tin liên lạc. - Kiểm tra số lượng, chủng loại thiết bị, tình trạng hoạt động. 	- Đơn vị quản lý báo hiệu hàng hải phải có trung tâm thông tin được trang bị tối thiểu 01 hệ thống thông tin vô tuyến (VHF/HF/MF) và 01 hệ thống thông tin vô	Trình bày cho rõ ràng hơn

MF/HF, điện thoại)	- Kiểm tra số lượng, chủng loại thiết bị, tình trạng hoạt động.				tuyển dự phòng đảm bảo liên lạc từ trung tâm thông tin đến các trạm quản lý luồng hàng hải. - Trạm quản lý luồng hàng hải có người thường trực phải được trang bị tối thiểu 02 thiết bị thông tin liên lạc vô tuyến phù hợp.	
3. Nguồn nhân lực tại trạm luồng						
Kiểm tra nhân lực bố trí tại trạm	Kiểm tra số lượng nhân sự theo danh sách được bố trí tại trạm.	Đủ nhân sự trực ca theo quy định.				
4. Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình			3. Công tác bảo trì, sửa chữa cơ khí, công trình			
4.1. Bảo trì, sửa chữa công trình	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế, quy trình bảo trì được duyệt. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.	3.1. Bảo trì, sửa chữa công trình	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế, quy trình bảo trì được duyệt. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.	
4.2. Bảo trì, sửa chữa cơ khí			3.2. Bảo trì, sửa chữa cơ khí			
4.2.1. Bảo trì, sửa chữa phương tiện thủy, bộ	- Kiểm tra trực quan thực tế vận hành của sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình. - Phương tiện thủy sau khi bảo trì, sửa chữa được cơ quan đăng kiểm cấp các Giấy chứng nhận theo quy định. - Phương tiện giao thông đường bộ có Giấy chứng	3.2.1. Bảo trì, sửa chữa phương tiện thủy, bộ	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành. - Phương tiện thủy sau khi bảo trì, sửa chữa được cơ quan đăng kiểm cấp các Giấy chứng nhận theo quy định. - Phương tiện giao thông đường bộ có Giấy chứng	Trình bày cho rõ ràng hơn

		nhận đăng kiểm còn hiệu lực.			nhận đăng kiểm còn hiệu lực.	
4.2.2. Bảo trì, sửa chữa thiết bị (thiết bị đèn; thông tin liên lạc; vô tuyến điện; thiết bị cung cấp nguồn năng lượng)	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật của nhà cung cấp thiết bị. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.	3.2.2. Bảo trì, sửa chữa thiết bị (thiết bị đèn; thông tin liên lạc; vô tuyến điện; thiết bị cung cấp nguồn năng lượng)	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ bảo trì, sửa chữa. - Các giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước (nếu có).	Trình bày cho rõ ràng hơn
4.2.3. Bảo trì, sửa chữa hệ thống chống sét	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế. - Đáp ứng theo tiêu chuẩn hiện hành về chống sét trong công trình xây dựng. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.	3.2.3. Bảo trì, sửa chữa hệ thống chống sét	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật theo thiết kế. - Đáp ứng theo tiêu chuẩn hiện hành về chống sét. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành.	Trình bày cho rõ ràng hơn
4.2.4. Bảo trì, sửa chữa máy phát điện	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật của nhà cung cấp. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành công trình.				Nằm trong mục 4.2.2
			3.2.4. Bảo trì, sửa chữa phao báo hiệu	- Kiểm tra trực quan. - Kiểm tra hồ sơ hoàn thành.	- Bảo đảm các thông số kỹ thuật của phao báo hiệu. - Nội dung công việc và chất lượng theo hồ sơ hoàn thành.	Bổ sung công tác này
5. Công tác quản lý tại trạm			5. Công tác quản lý tại trạm			
	- Kiểm tra công tác ghi chép nhật ký (tại trạm và phương tiện).	- Ghi chép nhật ký đầy đủ. - Bố trí phương tiện bảo đảm an toàn, phù hợp điều kiện địa lý của khu vực quản lý và quy định của		- Kiểm tra nhật ký tại trạm (trạm và phương tiện); - Kiểm tra việc bố trí phương tiện phục vụ quản lý vận hành;	- Ghi nhật ký đầy đủ; - Phương tiện bảo đảm an toàn, phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về phương tiện thủy; - Các đặc tính của báo	Trình bày cho rõ ràng hơn

	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra việc bố trí phương tiện phục vụ quản lý vận hành. - Kiểm tra thông báo hàng hải. 	<ul style="list-style-type: none"> quy chuẩn kỹ thuật về phương tiện. - Các đặc tính báo hiệu đã công bố thông báo hàng hải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hàng hải. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tình trạng hoạt động của báo hiệu và xác nhận của cơ quan chức năng; - Kiểm tra dữ liệu AIS hoặc dữ liệu hành trình khác của phương tiện thủy phục vụ công tác tiếp tế; kiểm tra tổng quan, kiểm tra bảo trì; sơn bảo dưỡng báo hiệu hàng hải trên luồng; thay, thả phao báo hiệu hàng hải trên luồng 	<ul style="list-style-type: none"> hiệu phù hợp với thông báo hàng hải gần nhất; - Dữ liệu AIS hoặc dữ liệu giám sát hành trình khác (nếu có) phù hợp với nhật ký và các hồ sơ liên quan. 	
Chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải trên luồng			Chỉ số khả dụng của báo hiệu hàng hải trên luồng			

	<p>- Chỉ số khả dụng của báo hiệu tính toán theo công thức sau:</p> $A = \frac{T - t}{T} \times 100\%$ <p>Trong đó:</p> <p>+ A là chỉ số khả dụng tính bằng %;</p> <p>+ T là thời gian đánh giá hoạt động của báo hiệu hàng hải (ứng với chu kỳ đánh giá là 6 tháng và 01 năm, được tính bằng ngày);</p> <p>+ t là tổng thời gian (được tính quy đổi ra đơn vị ngày) mà báo hiệu hàng hải không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các chức năng đã được cơ quan có thẩm quyền công bố (sai lệch quá mức cho phép) không bao gồm thời gian dừng hoạt động do nguyên nhân bất khả kháng (do thiên tai, dịch bệnh,...);</p> <p>- Chỉ số khả dụng tổng hợp của hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng là tỷ lệ</p>	<p>- Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu của một báo hiệu ứng với chu kỳ đánh giá 6 tháng như sau:</p> <table><tr><th rowspan="2">Loại báo hiệu hàng hải</th><th colspan="4">Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng</th></tr><tr><th>Cấp I</th><th>Cấp II</th><th>Cấp III</th><th>Cấp IV</th></tr><tr><td>Đăng tiêu, chấp tiêu, báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện</td><td>97,8</td><td>96,6</td><td>95,6</td><td>94,4</td></tr><tr><td>Báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu phương vị và</td><td>96,6</td><td>95,6</td><td>94,4</td><td>93,4</td></tr></table>	Loại báo hiệu hàng hải	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng				Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Đăng tiêu, chấp tiêu, báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện	97,8	96,6	95,6	94,4	Báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu phương vị và	96,6	95,6	94,4	93,4		<p>- Chỉ số khả dụng của báo hiệu tính toán theo công thức sau:</p> $A = \frac{T - t}{T} \times 100\%$ <p>Trong đó:</p> <p>+ A là chỉ số khả dụng tính bằng %;</p> <p>+ T là thời gian đánh giá hoạt động của báo hiệu hàng hải (số ngày ứng với chu kỳ đánh giá là 6 tháng và 01 năm);</p> <p>+ t là tổng thời gian (được tính quy đổi ra đơn vị ngày) mà báo hiệu hàng hải không hoạt động hoặc hoạt động không đúng một trong các chức năng tại thông báo hàng hải gần nhất của cơ quan có thẩm quyền công bố, không bao gồm thời gian dừng hoạt động do nguyên nhân bất khả kháng (do thiên tai, dịch bệnh,...);</p> <p>- Chỉ số khả dụng tổng hợp của hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng là tỷ lệ phần trăm giữa số lượng báo hiệu đạt yêu cầu chỉ số khả dụng với lượng báo hiệu trên luồng. Chỉ số này được</p>	<p>- Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu của một báo hiệu ứng với chu kỳ đánh giá 6 tháng như sau:</p> <table><tr><th rowspan="2">Loại báo hiệu hàng hải</th><th colspan="4">Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng</th></tr><tr><th>Cấp I</th><th>Cấp II</th><th>Cấp III</th><th>Cấp IV</th></tr><tr><td>Báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện</td><td>97,8</td><td>97,8</td><td>97,8</td><td>97,8</td></tr><tr><td>Đăng tiêu, chấp tiêu, đèn hướng, báo hiệu hàng hải AIS phát thông</td><td>97,8</td><td>96,6</td><td>95,6</td><td>94,4</td></tr></table>	Loại báo hiệu hàng hải	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng				Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện	97,8	97,8	97,8	97,8	Đăng tiêu, chấp tiêu, đèn hướng, báo hiệu hàng hải AIS phát thông	97,8	96,6	95,6	94,4	Cập nhật theo TCVN Yêu cầu chất lượng dịch vụ quản lý vận hành luồng hàng hải đang được xây dựng
Loại báo hiệu hàng hải	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng																																											
	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV																																								
Đăng tiêu, chấp tiêu, báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện	97,8	96,6	95,6	94,4																																								
Báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu phương vị và	96,6	95,6	94,4	93,4																																								
Loại báo hiệu hàng hải	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng																																											
	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV																																								
Báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện	97,8	97,8	97,8	97,8																																								
Đăng tiêu, chấp tiêu, đèn hướng, báo hiệu hàng hải AIS phát thông	97,8	96,6	95,6	94,4																																								

	phần trăm giữa số lượng báo hiệu đạt yêu cầu chỉ số khả dụng với số lượng báo hiệu trên luồng. Chỉ số này được dùng để đánh giá chất lượng dịch vụ vận hành luồng trong chu kỳ đánh giá.”	<div> <div>báo hiệu chuyên dùng phân luồng giao thông</div> <div> <div></div> <div></div> <div></div> <div></div> </div> </div> <div> <div>Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyên dùng</div> <div> <div>95,6</div> <div>94,4</div> <div>93,4</div> <div>92,2</div> </div> </div> <div> <div>- Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu của một báo hiệu ứng với chu kỳ đánh giá 1 năm như sau:</div> <div> <div> <div>Loại báo hiệu hàng hải</div> <div>Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng</div> <div> <div>Cấp I</div> <div>Cấp II</div> <div>Cấp III</div> <div>Cấp IV</div> </div> </div> <div> <div>Đăng tiêu, chập tiêu, báo hiệu</div> <div> <div>98,9</div> <div>98,3</div> <div>97,8</div> <div>97,2</div> </div> </div> </div> </div>		dùng để đánh giá chất lượng dịch vụ vận hành luồng trong chu kỳ đánh giá.	<div> <div>tin khí tượng thủy văn (trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng)</div> <div> <div></div> <div></div> <div></div> <div></div> </div> </div> <div> <div>Báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyên dùng phân luồng giao thông</div> <div> <div>96,6</div> <div>95,6</div> <div>94,4</div> <div>93,4</div> </div> </div> <div> <div>Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng nước</div> <div> <div>95,6</div> <div>94,4</div> <div>93,4</div> <div>92,2</div> </div> </div>	
--	---	---	--	---	--	--

		chương ngại vật biệt lập, chương ngại vật nguy hiểm mới phát hiện						an toàn và báo hiệu chuyên dùng																							
		Báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyên dùng phân luồng giao thông	98,3	97,8	97,2	96,7		- Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu của một báo hiệu ứng với chu kỳ đánh giá 1 năm như sau:																							
		Báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu vùng	97,8	97,2	96,7	96,1		<table><tr><td rowspan="2">Loại báo hiệu hàng hải</td><td colspan="4">Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng</td></tr><tr><td>Cấp I</td><td>Cấp II</td><td>Cấp III</td><td>Cấp IV</td></tr><tr><td>Báo hiệu chương ngại vật biệt lập, chương ngại vật nguy hiểm mới phát hiện</td><td>98,9</td><td>98,9</td><td>98,9</td><td>98,9</td></tr><tr><td>Đăng tiêu, chập tiêu, đèn hướng, báo hiệu</td><td>98,9</td><td>98,3</td><td>97,8</td><td>97,2</td></tr></table>	Loại báo hiệu hàng hải	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng				Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Báo hiệu chương ngại vật biệt lập, chương ngại vật nguy hiểm mới phát hiện	98,9	98,9	98,9	98,9	Đăng tiêu, chập tiêu, đèn hướng, báo hiệu	98,9	98,3	97,8	97,2				
Loại báo hiệu hàng hải	Chỉ số khả dụng yêu cầu tối thiểu ứng với cấp luồng																														
	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV																											
Báo hiệu chương ngại vật biệt lập, chương ngại vật nguy hiểm mới phát hiện	98,9	98,9	98,9	98,9																											
Đăng tiêu, chập tiêu, đèn hướng, báo hiệu	98,9	98,3	97,8	97,2																											

		<div> <div>nước an toàn và báo hiệu chuyên dùng</div> <div></div> <div></div> <div></div> <div></div> </div> <div> <p>- Chỉ số khả dụng tổng hợp yêu cầu tối thiểu của hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng phải $\geq 90\%$.</p> <p>- Phân cấp luồng hàng hải theo TCVN 10704:2015.</p> </div>					<div> <div>hàng hải AIS phát thông tin khí tượng thủy văn (trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng)</div> <div></div> <div></div> <div></div> <div></div> </div> <div> <div>Báo hiệu chuyên hướng luồng, báo hiệu phương vị và báo hiệu chuyên dùng phân luồng giao thông</div> <div>98,3</div> <div>97,8</div> <div>97,2</div> <div>96,7</div> </div> <div> <div>Báo hiệu hai bên</div> <div>97,8</div> <div>97,2</div> <div>96,7</div> <div>96,1</div> </div>	
--	--	---	--	--	--	--	---	--

					<div>luồng, báo hiệu vùng nước an toàn và báo hiệu chuyên dùng</div> <div><div></div><div></div><div></div><div></div></div> <div><div>- Chỉ số khả dụng tổng hợp yêu cầu tối thiểu của hệ thống báo hiệu hàng hải trên luồng phải $\geq 90\%$.</div><div>- Phân cấp luồng hàng hải theo tiêu chuẩn yêu cầu chất lượng dịch vụ vận hành luồng hàng hải.</div></div>	
			Công tác kiểm tra thường xuyên đề kè			
			Kiểm tra thường xuyên			
				<div>- Kiểm tra nhật ký.</div>	<div><div>- Nhật ký được ghi chép đầy đủ.</div><div>- Số lần thực hiện đảm bảo theo định mức kinh tế kỹ thuật.</div></div>	<div>Trình bày lại mục này, đảm bảo đúng công việc thực hiện</div>

TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KHẢO SÁT PHỤC VỤ CÔNG BỐ THÔNG BÁO HÀNG HẢI ĐỐI VỚI LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG (BAO GỒM CẢ VÙNG ĐÓN TRẢ HOA TIÊU)			TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KHẢO SÁT ĐỊNH KỲ PHỤC VỤ CÔNG BỐ THÔNG BÁO HÀNG HẢI ĐỐI VỚI LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG (BAO GỒM CẢ VỊ TRÍ ĐÓN TRẢ HOA TIÊU)			
Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng	
Thiết bị, phương tiện và hệ thống mốc khảo sát (không chế cao độ và tọa độ)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hồ sơ hiệu chuẩn và kiểm định thiết bị khảo sát, - Kiểm tra hồ sơ đăng ký, đăng kiểm phương tiện thủy phục vụ khảo sát. - Kiểm tra hồ sơ hệ thống mốc khảo sát. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát. - Hồ sơ hiệu chuẩn và kiểm định của thiết bị khảo sát còn hiệu lực tại thời điểm khảo sát. - Hồ sơ đăng ký, đăng kiểm của phương tiện thủy phục vụ khảo sát còn hiệu lực tại thời điểm khảo sát. - Hệ thống mốc khảo sát đáp ứng theo tiêu chuẩn và quy định hiện hành. 				Viết gọn trong phần hồ sơ khảo sát
Tần suất khảo sát	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra số lần thực hiện và thời gian giữa các lần khảo sát. 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo tần suất khảo sát được Bộ Giao thông vận tải quy định. 	Tần suất khảo sát	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra số lần thực hiện và thời gian giữa các lần khảo sát. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với tần suất khảo sát theo quy định. - Thời gian khảo sát phù hợp với Quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 	Trình bày lại cho rõ ràng hơn
Hồ sơ khảo sát	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát. - Kiểm tra Thông báo hàng hải được ban hành theo kết quả khảo sát. - Kiểm tra Báo cáo kết quả khảo sát (bảng đo sâu, sổ thủy 	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ khảo sát đầy đủ, phù hợp với nhiệm vụ và phương án kỹ thuật, trình bày đúng quy định và đảm bảo tính pháp lý. - Thông báo hàng hải được ban hành kịp thời, phù hợp với kết quả khảo sát, theo đúng biểu mẫu quy định. 	Hồ sơ khảo sát	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát. - Kiểm tra Báo cáo kết quả khảo sát (bảng đo sâu, sổ thủy trí, nhật ký khảo sát, nhiệm vụ khảo sát, thiết bị khảo sát, mốc 	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ khảo sát đầy đủ, phù hợp với nhiệm vụ và phương án kỹ thuật, trình bày đúng quy định và đảm bảo tính pháp lý. - Hồ sơ đề nghị công bố thông báo hàng hải được gửi tới Cảng vụ hàng hải khu vực kịp thời, phù hợp với kết quả khảo sát . 	Trình bày lại cho rõ ràng, ngắn gọn hơn

	trí, nhật ký khảo sát, nhiệm vụ khảo sát... đĩa CD (hoặc USB) có chứa các tệp hồ sơ khảo sát). - Kiểm tra Bình đồ khảo sát luồng hàng hải (tỷ lệ bình đồ, phạm vi đo vẽ, khoảng cách giữa các tuyến đo)	- Đáp ứng yêu cầu của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 10336:2015 - Khảo sát độ sâu trong lĩnh vực hàng hải.		khống chế, dữ liệu khảo sát...) thu thập tại hiện trường; bình đồ khảo sát luồng hàng hải (tỷ lệ, phạm vi và khoảng cách giữa các tuyến đo...).	- Đáp ứng nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát đã được phê duyệt.	
TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ ĐỘT XUẤT BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI			TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ NHIỆM VỤ ĐỘT XUẤT BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI			
Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng	Tên tiêu chí	Phương pháp xác định	Yêu cầu đáp ứng	
Chất lượng thực hiện công tác đột xuất đảm bảo an toàn hàng hải	- Kiểm tra trực quan thực tế sản phẩm; - Kiểm tra hồ sơ khắc phục sự cố;	- Xử lý kịp thời các sự cố đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. - Có đầy đủ hồ sơ thể hiện việc khắc phục sự cố theo quy định	Công tác xử lý nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải	Kiểm tra hồ sơ khắc phục sự cố.	- Phù hợp với yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và quy định có liên quan. - Có đầy đủ hồ sơ thể hiện việc khắc phục sự cố theo quy định.	
			PHỤ LỤC 5 MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐÈN BIỂN, ĐĂNG TIÊU ĐỘC LẬP			Bổ sung chi tiết các biểu mẫu nghiệm thu, đánh giá và xác nhận
			PHỤ LỤC 6 MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG VẬN HÀNH, BẢO TRÌ BÁO HIỆU HÀNG HẢI TRÊN LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG			
			PHỤ LỤC 7 MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG KHẢO SÁT ĐỊNH KỲ CÔNG BỐ THÔNG BÁO HÀNG HẢI ĐỐI VỚI LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG (BAO GỒM CẢ VỊ TRÍ ĐÓN TRẢ HOA TIÊU)			
			PHỤ LỤC 8			

			MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU CUNG CẤP DỊCH VỤ CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP VỤ ĐÓT XUẤT BẢO ĐẢM AN TOÀN	
			PHỤ LỤC 9 CÁC BIỂU MẪU XÁC NHẬN TÌNH DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI	